

Phẩm 4: PHÂN BIỆT NGHIỆP

(Gồm 131 Tụng)

1. Thế gian do nghiệp khác :
2. Tư và tư sở tác
3. Tư tức là ý nghiệp.
4. Sở tác là thân, ngữ
5. Hai nghiệp thân, ngữ này
6. Đều có biểu, vô biểu.
7. Thân biểu chỉ là hình
8. Phi hành động là thể
9. Vì các pháp hữu vi
10. Đều mỗi sát-na-diệt.
11. Không pháp nào không nhân.
12. Sinh nhân cũng diệt nhân.
13. Hình cũng không thực hữu
14. Vì có hai căn giữ
15. Không riêng có cực vi
16. Ngữ biểu là ngôn thanh.
17. Nói ba sắc vô lậu
18. Vì tăng, không tạo tác
19. Đại chủng năng tạo này
20. Khác sở y của biểu
21. Dục hậu niệm vô biểu
22. Do đại chủng quá khứ.
23. Hữu lậu do tự địa
24. Vô lậu tùy xứ sinh.
25. Vô biểu không chấp thụ,
26. Đẳng lưu thuộc hữu tình
27. Khi tán do đẳng lưu
28. Có thụ có khác biệt.
29. Định sinh do trưởng dưỡng
30. Không thụ không khác biệt.
31. Biểu chỉ có đẳng lưu
32. Thuộc thân có chấp thụ.
33. Vô biểu : ký : Còn : ba
34. Bất thiện chỉ ở Dục.
35. Vô biểu : khắp Dục, Sắc

36. Biểu : hai địa. Có bốn.
37. Dục : không biểu hữu phú
38. Vì không có đẳng khởi.
39. Thắng nghĩa thiện : giải thoát
40. Tự tính : tầm, quý, căn.
41. Tương ứng kia tương ứng
42. Do đẳng khởi sắc nghiệp
43. Ngược lại là bất thiện
44. Thắng, vô ký, hai thường.
45. Đẳng khởi có hai loại
46. Là nhân và sát-na
47. Nên biết theo thứ tự
48. Là chuyển và tùy chuyển
49. Thức kiến đoạn là chuyển
50. Năm thức là tùy chuyển
51. Ý, tu đoạn thông hai
52. Phi vô lậu, dị thực
53. Chuyển thì thuộc tính thiện
54. Tùy chuyển thuộc cả ba
55. Mâu-ni đều thuộc thiện
56. Vô ký tùy chuyển : thiện.
57. Vô biểu ba luật nghi :
58. Bất luật nghi, hai phi.
59. Luật nghi biệt giải thoát
60. Tĩnh lự và đạo sinh.
61. Luật nghi đầu tám loại
62. Thực thể chỉ có bốn
63. Hình đổi nên khác tên.
64. Khác nhưng không trái nhau
65. Thọ bỏ năm, tám, mười
66. Tất cả đều phải bỏ.
67. Thành cận sự, cận trú
68. Cần sách và Bí-sô.
69. Đầu được gọi Thi-la
70. Hạnh diệu, nghiệp, luật nghi.
71. Đầu chỉ biểu, vô biểu
72. Là biệt giải nghiệp đạo.
73. Tám thành biệt giải thoát.

74. Được tĩnh lự, Thánh giả
75. Thành tĩnh lự đạo sinh.
76. Hai sau tùy tâm chuyển.
77. Vị chí chín vô gián
78. Câu sinh hai tên đọan
79. Chính tri cùng chính niệtm
80. Là ý, căn luật nghi.
81. Trụ, biệt giải vô biểu
82. Chưa xả thì thường hiệnt
83. Sát-na thành quá khứ.
84. Bất luật nghi cũng vậy.
85. Được tĩnh lự luật nghi,
86. Thành quá khứ, vị lai.
87. Thánh sơ trừ quá khứ
88. Trụ đĩnh đạo thành trung.
89. Trụ trung có vô biểu
90. Đầu thành trung, sau hai
91. Trụ luật, bất luật nghi
92. Khởi nhiễtm tĩnh vô biểu.
93. Đầu thành trung, sau hai
94. Đến sạch hết nhiễtm, tĩnh.
95. Tạo hiểu nghiệp thành trung,
96. Sau thành quá, phi vị
97. Hữu phú và vô phú
98. Chỉ thành tự hiệnt tại.
99. Hạnh ác, giới, ác nghiệp.
100. Nghiệp đạo, bất luật nghi.
101. Thành biểu, không vô biểu.
102. Trong đó tứ, tác, yếu.
103. Thánh : xã hoặc chưa sinh
104. Thành vô biểu, không biểu.
105. Đĩnh sinh vì đĩnh đạ
106. Thánh giả đượ đạo sinh.
107. Biệt giải thoát luật nghi
108. Đượ là do người khác.
109. Luật nghi biệt giải thoát
110. Suốt đời hoặc ngày đẽm.
111. Giới ác không ngày đẽm,

112. Không phải như thiện thọ.
113. Cận trú vào sáng sớm
114. Dưới tòa theo thầy thụ
115. Nghe dạy đủ các chi
116. Ngày đêm không trang sức.
117. Giới, bát dật, cấm chi
118. Thứ tự: bốn, một ba
119. Để phòng các tính tội,
120. Thất niệm và Kiêu, dật
121. Cận trú ngoài cũng có.
122. Không thụ tam quy : Không
123. Xưng cận sự phát giới
124. Giảng giải như Bí-sô.
125. Nếu đầy đủ luật nghi
126. Sao bảo là một phần ?
127. Đó là nói năng trì.
128. Dưới, giữa, trên tùy tâm
129. Qui y thành Phật Tăng,
130. Vô học hai loại pháp,
131. Và Niết-bàn trạch diệt
132. Là nói đủ Tam qui.
133. Hạnh tà đáng trách nhất
134. Dễ lia, được bất tác
135. Phát nguyện được luật nghi
136. Không phải như tất cả,
137. Nếu mở lời nói dối
138. Sẽ vượt các học xứ.
139. Già tội chỉ bỏ rượu,
140. Để giữ các luật nghi
141. Từ tất cả, hai, hiện
142. Được luật nghi Dục giới.
143. Từ căn bản, ba thời
144. Được tính lự, vô lậu.
145. Luật tùy các hữu tình
146. Chi nhân không nhất định.
147. Bất luật từ tất cả
148. Hữu tình, chi, không nhân.
149. Đạt được bất luật nghi

150. Do tác và thệ thọ
151. Do tác và thệ thọ
152. Được các vô biểu khác
153. Do điền thọ, trọng hành.
154. Xả biệt giải, điều phục
155. Do cố xả, mạng chung,
156. Và hai hình câu sinh,
157. Do đoạn thiện, hết đêm
158. Có thuyết bảo phạm trọng.
159. Thuyết khác nói pháp diệt.
160. Thuyết Ca-thấp-di-la
161. Phạm hai, giàu mắc nợ.
162. Xả định sinh pháp thiện
163. Do đổi địa, thoái đọa
164. Xả Thánh do đắc quả
165. Luyện căn và thoái thất.
166. Xả giới ác do chết
167. Đắc giới, hai hình sinh
168. Xả trung do thọ, thế
169. Tác, sự, thọ, căn đoạn.
170. Xả dục phi sắc thiện
171. Do căn đoạn thượng sinh
172. Do đổi trị đọa sinh
173. Xả các nhiễm phi sắc.
174. Giới ác: người trừ Bắc
175. Hoàng môn và nhị hình
176. Luật nghi có cả trời
177. Chỉ người: đủ ba loại.
178. Sinh cõi Dục cõi Sắc
179. Có luật nghi tĩnh lự
180. Vô lậu tịnh, Vô sắc
181. An, bất an, phi nghiệp
182. Là thiện, ác, vô ký.
183. Phước, phi phước bất động.
184. Thiện cõi Dục là phước
185. Bất thiện là phi phước
186. Thượng giới thiện: bất động
187. Vì nghiệp quả không động

188. Ở xứ sở tự địa.
189. Thuận lạc khổ không hai
190. Thiện đến ba: thuận lạc.
191. Các bất thiện: thuận khổ.
192. Thượng giới không thuận hai
193. Thuyết khác dưới cũng có,
194. Trung gian chiêu dị thực
195. Lại nữa ba nghiệp này
196. Chẳng phải tiền, hậu thực
197. Thuận thụ có năm loại
198. Là tự tính tương ưng
199. Và sở duyên, dị thực
200. Hiện tiền sai biệt nhau.
201. Đây có định, bất định
202. Định ba. Thuận hiện thụ
203. Có thuyết nói có năm
204. Sự khác nói bốn câu.
205. Bốn thiện đều tạo tác.
206. Dẫn đồng phần: chỉ ba.
207. Các xứ tạo bốn loại.
208. Địa ngục thiện trừ hiện
209. Kiên định là địa nhiễm
210. Dị sinh không tạo sinh
211. Thánh không tạo sinh hậu
212. Thánh, Dục, Hữu đỉnh, thoái.
213. Dục trung hữu tạo được
214. Hai mươi hai loại nghiệp.
215. Điều thuộc thuận hiện thụ
216. Chỉ có một: đồng phần.
217. Do hoặc nặng, tịnh tâm
218. Và do thường tạo tác
219. Khởi ruộng phước công đức
220. Hại cha mẹ nghiệp định.
221. Công đức ý thù thắng
222. Và định chiêu dị thực
223. Được hằng là địa nghiệp
224. Chiêu cảm quả hiện pháp
225. Với Phật, thượng thủ tăng

226. Và định, diệt, vô tránh
227. Từ, Kiến, tu đạo xuất
228. Tồn ích đều có quả.
229. Các nghiệp thiện không tâm
230. Chỉ có tâm cảm thọ
231. Ác chỉ có thân thọ
232. Đó là chỗ khác nhau.
233. Tâm cuồng duy ý thức
234. Do nghiệp dị thực sinh
235. Và sợ hại, nghịch, sâu
236. Ở Dục trừ Bắc châu.
237. Nói nghiệp: Khúc, uế, trước
238. Do siểm, sân, tham sinh.
239. Dục đen, đen khác nhau
240. Để nói bốn loại nghiệp
241. Ác Sắc, Dục giới thiện,
242. Vô lậu trừ được hết
243. Cứ theo thứ tự nói
244. Đen, trắng, không đen trắng.
245. Bốn pháp nhãn lìa dục
246. Tám trước đều vô gián.
247. Mười hai vô lậu tư
248. Chỉ tận trừ nghiệp đen
249. Lìa dục bốn tĩnh lự
250. Thứ chín vô gián tư.
251. Một: hết nghiệp trắng đen
252. Bốn khiến hết nghiệp trắng.
253. Nghiệp thọ ở địa ngục.
254. Còn Dục giới xen lộn
255. Nghiệp Dục thuộc Kiến đoạn
256. Nghiệp Dục khác gồm đủ.
257. Vô học thân ngữ nghiệp
258. Ý là ba mâu-ni.
259. Nên biết ba thanh tịnh.
260. Chính là ba diệu hạnh.
261. Nghiệp ác thân, ngữ ý
262. Gọi là ba hạnh ác,
263. Và tham, sân, tà kiến

264. Ngược lại ba hạnh diệu.
265. Nói về mười nghiệp đạo
266. Gồm cả ác, diệu hạnh.
267. Thô là tính của nó
268. Nên mới thành thiện ác
269. Sáu nghiệp ác vô biểu
270. Tự tác, đâm, cả hai.
271. Thiện bảy thụ sinh hai
272. Định sinh chỉ vô biểu.
273. Gia hạnh là hữu biểu
274. Vô biểu có hoại không
275. Đã khởi rồi thì khác
276. Ba căn khởi gia hạnh
277. Sinh khởi không gián đoạn
278. Tham v.v... cũng ba căn sinh.
279. Thiện ở trong ba vị
280. Do ba thiện căn khởi.
281. Sát, thô ngữ, sân nhuế
282. Cứu cánh đều do sân.
283. Trộm, tà hạnh và tham
284. Cứu cánh đều do tham
285. Tà kiến, si, cứu cánh
286. Do cả ba bày ra.
287. Hữu tình cụ, danh sắc
288. Danh thân v.v... các xứ khởi
289. Cùng chết và chết trước
290. Không vì căn y khác
291. Quân và các đồng sự
292. Đều như người đã làm.
293. Sát sinh do cố ý
294. Nghĩ khác không giết lầm.
295. Vật chẳng cho mà lấy
296. Cưỡng trộm làm của mình
297. Dục tà hạnh bốn thứ
298. Làm điều không nên làm.
299. Phát ngôn nhiễm dị tướng
300. Lời giải nghĩa hư dối.
301. Do nhãn, nhĩ, ý thức

302. Và ba cái sở chứng.
303. Như thứ tự tên gọi
304. Là kiến, văn, giác tri.
305. Nhiễm tâm nói hại người
306. Là lời nói ly gián
307. Lời thô ác, chẳng yêu
308. Các lời nhiễm tạp ược.
309. Còn nữa, khác ba nhiễm
310. Như nịnh, ca, tà luận ...
311. Ác dục tham của người
312. Sân giận ghét người khác
313. Sinh kiến chấp thiện ác...
314. Là nghiệp đạo tà kiến.
315. Trong đây ba là đạo
316. Bảy nghiệp cũng là đạo.
317. Tà kiến đoạn thiện căn
318. Đoạn Dục giới sinh đắc.
319. Bác bỏ mọi nhân quả
320. Dẫn dứt bỏ cả hai
321. Người ba châu nam, nữ
322. Kiến hành đoạn phi đắc
323. Tiếp thiện nghi, hữu kiến
324. Nam hiện, trừ tội nghịch
325. Nghiệp đạo, tư cùng chuyển
326. Bất thiện : một đến tám
327. Tổng các thiện có mười.
328. Riêng già : một, tám, năm.
329. Trong địa ngục : bất thiện.
330. Thô tạp, sân, cả hai.
331. Tạo thành tham, tà kiến.
332. Bắc thành tham, tà kiến.
333. Bắc châu tạo bá sau
334. Tạp ngữ thông hiện, thành
335. Các Dục mười thông hai
336. Thiện trong tất cả xứ
337. Ba sau thông hiện, thành
338. Trời, Vô Sắc, vô tưởng
339. Chỉ thành tựu bảy trước

340. Các xứ thông thành hiện
341. Trừ địa ngục, Bắc châu.
342. Đều cảm quả dị thực,
343. Đẳng lưu và tăng thượng
344. Khiến người khác chịu khổ
345. Vì đoạn mạng, hại uy.
346. Tham sinh, thân ngữ nghiệp
347. Thành tà mạng khó trừ
348. Chấp mạng do tham sinh
349. Phi lý, trái với Kinh.
350. Đoạn đạo: nghiệp hữu lậu
351. Đầy đủ có năm quả
352. Nghiệp vô lậu có bốn,
353. Là chỉ trừ dị thực
354. Các hữu lậu thiện ác
355. Cũng bốn, trừ ly hệ
356. Các vô lậu vô ký
357. Ba trừ trước đã trừ.
358. Thiện, bất thiện vô ký
359. Đầu có bốn, hại, ba
360. Giữa có hai, ba, bốn.
361. Sau: hai, ba, ba quả.
362. Quá trong ba đều bốn.
363. Hiện trong vị cũng vậy
364. Hiện trong hiện: hai quả
365. Vị trong vị: ba quả.
366. Đồng địa có bốn quả
367. Khác địa hai hoặc ba
368. Học, trong ba đều ba
369. Vô học một, ba hai.
370. Phi học, phi Vô học
371. Hữu: hai, hai năm quả.
372. Các nghiệp thuộc Kiến đoạn
373. Mỗi mỗi đều có ba.
374. Đầu có ba, bốn, một.
375. Giữa hai, bốn, ba quả
376. Cuối có một hai bốn
377. Theo thứ tự nên biết.

378. Nghiệp nhiễm không nên làm.
379. Là nghiệp phá qui tắc
380. Nghiệp nên làm thì khác
381. Trái với loại thứ ba
382. Một nghiệp dẫn một sinh
383. Nhiều nghiệp thành đầy đủ.
384. Hai vô tâm định đắc
385. Đều không thể dẫn khởi.
386. Hai vô tâm định đắc
387. Đều không thể dẫn khởi.
388. Ba châu có vô gián
389. Chẳng phải nơi nào khác
390. Ít hơn, ít hổ thẹn
391. Chương khác đủ năm cõi.
392. Trong năm vô gián này
393. Bốn nghiệp thân, một miệng
394. Ba sát, một nói dối
395. Một gia hạnh sát sinh.
396. Làm Tăng không hòa hợp
397. Tâm bất tương ứng hành
398. Tánh vô phú vô ký
399. Thành tựu sự phá Tăng.
400. Người năng phá chỉ thành
401. Tội hay nói dối này
402. Một kiếp quả vô gián
403. Tùy tội tăng khổ tăng.
404. Tỳ-kheo thấy tịnh hạnh
405. Người ngu phá chỗ khác
406. Khi nhận đạo sư khác
407. Gọi phá không qua đêm.
408. Thiệt bộ châu, chín người v.v...
409. Mới phá pháp luân Tăng
410. Còn phá Yết-ma Tăng
411. Thông ba châu, tám người v.v...
412. Đầu, sau, trước chia rẽ
413. Phật diệt, chưa kết giới
414. Với sáu vị như vậy
415. Không phá “pháp luân Tăng”.

416. Hủy hoại ruộng ân đức
417. Chuyển hình cũng thành nghịch
418. Mẹ là nhân huyết kia
419. Ngộ nhận v.v... không hoặc có
420. Cố làm Phật chảy máu
421. Sau hại Vô học không.
422. Tạo hành động nghịch tội
423. Không lìa nhiễm đặc quả.
424. Việc nói dối phá Tăng
425. Là phạm tội nặng nhất
426. Cảm tư “đệ nhất hữu”
427. Quả thiện lớn trong đời.
428. Làm việc nhiễm ô mẹ
429. Ni và bậc Vô học
430. Giết Bồ-tát trụ định
431. Và bậc Thánh Hữu học
432. Phá duyên hòa hợp Tăng
433. Phá hoại Tốt đồ ba
434. Là đồng loại vô gián.
435. Làm cho nhẫn Bất hoàn
436. Nghiệp Vô học chướng ngại.
437. Do tu nghiệp “diệu tướng”
438. Gọi Bồ-tát được định
439. Sinh nhà giàu, cõi thiện
440. Tướng nam, niệm kiên cố.
441. Nam Thiệt bộ trước Phật
442. Phật nghĩ, nghĩ chỗ thành
443. Trăm kiếp khác mới tu
444. Có trăm phước trang nghiêm.
445. Trong ba vô số kiếp
446. Mỗi kiếp cúng bảy vạn
447. Lại thứ tự cúng dường
448. Năm, sáu, bảy ngàn Phật.
449. Đủ ba vô số kiếp
450. Nghịch thứ gặp Thắng Quán
451. Nhiên Đăng và Bảo Kế
452. Sơ Thích-ca Mâu-ni.
453. Do bi bố thí khắp

454. Bị hủy thân không giận
455. Tấn thán Phật Đế Sa
456. Đến vô thượng Bồ-đề.
457. Sáu pháp Ba-la-mật
458. Với bốn vị như vậy
459. Một, hai lại một, hai,
460. Thứ tự tu viên mãn.
461. Ba loại: Thí, giới, tu
462. Mỗi loại tùy cảm ứng
463. Được gọi tên phước nghiệp
464. Sai biệt như nghiệp đạo.
465. Do xả này, gọi thí
466. Cúng dường làm lợi ích
467. Thân ngữ và phát tâm
468. Nhận lấy quả phước lớn.
469. Vì lợi mình lợi người
470. Không vì hai mà thí.
471. Do ruộng tài chủ khác
472. Nên quả thí sai biệt.
473. Chủ khác do tin tưởng v.v...
474. Kính trọng hành bố thí v.v...
475. Được tôn kính yêu mến
476. Đúng thời khó mất quả.
477. Tài khác do có sắc v.v...
478. Được sắc đẹp tên tốt
479. Chúng yêu, thân mềm mại
480. Có tùy thời xúc, lạc.
481. Khác ruộng do cõi khổ
482. Ân đức có sai biệt.
483. Thí Bồ-tát giải thoát
484. Thứ tám là tối thắng.
485. Cha mẹ bệnh, pháp sư
486. Thân sau cùng Bồ-tát
487. Chẳng phải chứng bậc Thánh
488. Quả thí cũng vô lượng.
489. Khởi sau, ruộng, căn bản
490. Tư, gia hạnh, ý vui
491. Do đó có dưới trên

492. Nghiệp phẩm cũng dưới trên.
 493. Do thắm, tư tròn đầy
 494. Không đối trị làm ác
 495. Có bạn dị thực khác
 496. Nghiệp này gọi tăng trưởng.
 497. Xả nhiều thì được phước
 498. Như từ v.v... và không thọ.
 499. Ruộng xấu có quả tốt
 500. Giao quả không trái ngược.
 501. Lìa phạm giới và ngăn
 502. Gọi giới có hai thứ
 503. Chẳng loại nhân phạm giới
 504. Nương thanh tịnh trị, diệt.
 505. Đẳng dẫn thiện gọi tu
 506. Huân tập tâm mạnh nhất.
 507. Giới, tu rất thù thắng
 508. Quả sinh thiên, giải thoát.
 509. Cảm một kiếp sinh thiên v.v...
 510. Được một lượng phước tịnh.
 511. Pháp thí là như thật
 512. Biện giải kinh không nhiễm.
 513. Thuận phước, thuận giải thoát
 514. Thuận quyết trạch là ba
 515. Được quả tốt Niết-bàn
 516. Thứ tự Thánh đạo thiện.
 517. Chúng khởi theo như lý
 518. Ba nghiệp và năng phát
 519. Thứ tự làm tự thể
 520. Thư ấn toán, văn, số.
 521. Vô lậu thiện là tốt
 522. Nhiễm có tội là xấu
 523. Thiện hữu vi nên tập
 524. Giải thoát là trên hết.
-